

THÔNG TƯ

**LIÊN TỊCH BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH SỐ 08/2005/TTLT-BNV-BTC
NGÀY 05 THÁNG 01 NĂM 2005 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ
TRẢ LƯƠNG LÀM VIỆC VÀO BAN ĐÊM, LÀM THÊM GIỜ
ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Thi hành Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ, ngành liên quan, liên tịch Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức (kể cả công chức dự bị), viên chức, những người đang trong thời gian tập sự, thử việc và lao động hợp đồng đã được xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.

b) Cán bộ chuyên trách và công chức ở xã, phường, thị trấn.

c) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước và hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định được cử đến làm việc tại các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các dự án và các cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ trực 12 giờ/24 giờ hoặc 24 giờ/24 giờ có hướng dẫn riêng.

3. Đối tượng không áp dụng:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong các cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân.

b) Người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

II. NGUYÊN TẮC VÀ CĂN CỨ TÍNH CHẾ ĐỘ TRẢ LƯƠNG LÀM VIỆC VÀO BAN ĐÊM, LÀM THÊM GIỜ

1. Nguyên tắc:

Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ được tính theo số giờ thực tế làm việc vào ban đêm và số giờ thực tế làm thêm ngoài giờ tiêu chuẩn.

2. Căn cứ tính:

a) Tiền lương giờ dùng làm căn cứ để tính trả tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ được xác định bằng tiền lương của một tháng chia cho số giờ làm việc tiêu chuẩn trong một tháng.

Trong đó:

a1) Tiền lương của một tháng, bao gồm: Mức lương hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có). Cơ quan, đơn vị được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm so với mức lương tối thiểu chung thì tiền lương của một tháng cũng được điều chỉnh tăng thêm tương ứng.

a2) Số giờ làm việc tiêu chuẩn trong một tháng được xác định bằng số giờ làm việc tiêu chuẩn trong một ngày nhân với số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng.

Số giờ làm việc tiêu chuẩn trong một ngày là 8 giờ. Riêng đối với những người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành được thực hiện rút ngắn thời giờ làm việc trong một ngày theo quy định.

Số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng là 22 ngày.

b) Thời giờ làm việc vào ban đêm được xác định từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ ngày hôm sau đối với các tỉnh, thành phố từ Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc; từ 21 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau đối với các tỉnh, thành phố từ Đà Nẵng trở vào phía Nam.

c) Thời giờ làm thêm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi thành một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

III. CHẾ ĐỘ TRẢ LƯƠNG LÀM VIỆC VÀO BAN ĐÊM

1. Điều kiện hưởng:

Các đối tượng quy định tại điểm 1 mục I Thông tư này có thời giờ thực tế làm việc vào ban đêm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cách tính trả lương làm việc vào ban đêm:

Tiền lương làm việc vào ban đêm được tính theo công thức sau:

$$\left[\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{làm việc vào} \\ \text{ban đêm} \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Tiền} \\ \text{lương giờ} \end{array} \right] \times 130\% \times \left[\begin{array}{c} \text{Số giờ thực tế} \\ \text{làm việc vào} \\ \text{ban đêm} \end{array} \right]$$

IV. CHẾ ĐỘ TRẢ LƯƠNG LÀM VIỆC THÊM GIỜ

1. Điều kiện hưởng:

Các đối tượng quy định tại điểm 1 mục I Thông tư này đã có chế độ quy định số giờ làm việc tiêu chuẩn trong một ngày và số giờ làm việc tiêu chuẩn trong một tháng của cơ quan có thẩm quyền mà phải làm thêm giờ sau khi đã hoàn thành đủ số giờ tiêu chuẩn trong ngày theo quy định.

2. Cách tính trả lương làm thêm giờ:

a) Trường hợp làm thêm giờ vào ban ngày, tiền lương làm thêm giờ được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{làm thêm giờ vào} \\ \text{ban ngày} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Tiền} \\ \text{lương giờ} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} 150\% \\ \text{hoặc } 200\% \\ \text{hoặc } 300\% \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Số giờ} \\ \text{thực tế} \\ \text{làm thêm} \end{array} \right)$$

Trong đó:

Mức 150% áp dụng đối với giờ làm thêm vào ngày thường;

Mức 200% áp dụng đối với giờ làm thêm vào ngày nghỉ hàng tuần;

Mức 300% áp dụng đối với giờ làm thêm vào ngày lễ hoặc ngày được nghỉ bù nếu ngày lễ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ có hưởng lương (trong mức 300% này đã bao gồm cả tiền lương trả cho thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định tại các Điều 73, 74, 75 và 78 của Bộ luật Lao động).

b) Trường hợp làm thêm giờ vào ban ngày, nếu được bố trí nghỉ bù những giờ làm thêm thì được hưởng tiền lương làm thêm giờ vào ban ngày như sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{làm thêm giờ vào} \\ \text{ban ngày} \\ \text{(nếu được bố trí nghỉ bù)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Tiền} \\ \text{lương giờ} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} 50\% \\ \text{hoặc } 100\% \\ \text{hoặc } 200\% \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Số giờ} \\ \text{thực tế} \\ \text{làm thêm} \end{array} \right)$$

Trong đó:

Mức 50% áp dụng đối với giờ làm thêm vào ngày thường;

Mức 100% áp dụng đối với giờ làm thêm vào ngày nghỉ hàng tuần;

Mức 200% áp dụng đối với giờ làm thêm vào ngày lễ hoặc ngày được nghỉ bù nếu ngày lễ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ có hưởng lương (trong mức 200% này đã bao gồm cả tiền lương trả cho thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định tại các Điều 73, 74, 75 và 78 của Bộ luật Lao động).

c) Trường hợp làm thêm giờ vào ban đêm, tiền lương làm thêm giờ được tính theo công thức sau:

$$\left[\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{làm thêm giờ vào} \\ \text{ban đêm} \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Tiền lương} \\ \text{làm thêm 1 giờ} \\ \text{vào ban ngày} \end{array} \right] \times 130\% \times \left[\begin{array}{c} \text{Số giờ thực tế} \\ \text{làm thêm giờ vào} \\ \text{ban đêm} \end{array} \right]$$

Trong đó:

Tiền lương làm thêm 1 giờ vào ban ngày (tùy từng trường hợp làm thêm vào ngày thường, ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, được bố trí nghỉ bù hay không được bố trí nghỉ bù những giờ làm thêm vào ban đêm) được tính theo công thức quy định tại tiết a hoặc tiết b điểm 2 mục IV Thông tư này với số giờ thực tế làm thêm là 1 giờ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong tháng được tính trả vào kỳ lương của tháng sau liền kê căn cứ vào bảng kê chi tiết số giờ thực tế làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong tháng có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Nguồn kinh phí chi trả tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ:

a) Đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ, nguồn kinh phí chi trả tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành trong dự toán ngân sách được giao hàng năm cho cơ quan, đơn vị.

b) Đối với các cơ quan thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ tài chính, nguồn kinh phí chi trả tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ do cơ quan, đơn vị chi trả từ nguồn kinh phí khoán và nguồn tài chính được giao tự chủ.

3. Căn cứ cách tính tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ quy định tại Thông tư này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý ngạch công chức, viên chức chuyên ngành hướng dẫn cho phù hợp với đặc điểm tổ chức lao động của ngành, hạn chế việc phải làm thêm giờ và ưu tiên bố trí nghỉ bù cho những giờ làm thêm.

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

2. Chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ quy định tại Thông tư này được tính hưởng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

3. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về liên Bộ Nội vụ - Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.